

TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN PHÚ NHUẬN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 27/2023/HSST
Ngày: 18/4/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN PHÚ NHUẬN - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Thảo

Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Thu Hương

2. Ông Trần Trọng Thái

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Bùi Thị Thức - cán bộ Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Văn Khoảnh - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận P, Thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 05/2023/HSST ngày 18 tháng 01 năm 2023 theo Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2023/HSST-QĐ ngày 21/3/2023 và Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2023/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 4 năm 2023 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Hữu Trúc D**; tên gọi khác: Nam; sinh ngày 21/02/1981 tại tỉnh B; Đăng ký HKTT: 15/5C Khu phố 4A, phường T, Quận K, Tp. H; Chỗ ở: 3/34 Đường A, ấp B, xã C, huyện D, Tp. H; nghề nghiệp: không; trình độ văn hoá: 9/12; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1953 và bà Nguyễn Thị Thanh L, sinh năm 1958; Vợ, con: không; Tiền án: Ngày 12/12/2001, bị Tòa án nhân dân Quận K, Thành phố H xử phạt 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” (Bản án số 190/2001/HSST, ngày 12/12/2001), đã chấp hành xong hình phạt, chưa thi hành phần dân sự; Ngày 28/5/2004, bị Tòa án nhân dân quận T, Thành phố H xử phạt 05 năm 06 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và ngày 17/9/2004, Toà án nhân dân Thành phố H xét xử phúc thẩm quyết định không chấp nhận kháng cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm (Bản án số 104/2004/HSST, ngày 28/5/2004; Bản án phúc thẩm số 369/HSPT ngày 17/9/2004 của Toà án nhân dân Thành phố H), đã chấp hành xong hình phạt, chưa thi hành xong phần dân sự; tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 30/3/2022 đến ngày 03/4/2022 thì bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” đến nay “có mặt”.

+ *Người bị hại:*

Bà Trần Thị Tuyết N, sinh năm 1985

Địa chỉ: Số 60, Tổ 10, đường E, Khu phố F, Phường G, Thành phố L.

Người đại diện hợp pháp của người bị hại:

Ông Trần Mai H, sinh năm 1940

Địa chỉ: Số 60, Tổ 10, đường E, Khu phố F, Phường G, Thành phố L- Là người đại diện theo uỷ quyền – Văn bản uỷ quyền đề ngày 04/7/2022. “có mặt”

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 18/3/2009, do cần tìm việc làm nên bà Trần Thị Tuyết N có đăng báo Người lao động với nhu cầu tìm việc làm và để lại thông tin số điện thoại liên lạc. Đến 14 giờ 00 phút ngày 31/3/2009 bà N nhận được điện thoại từ số 0121858601 của thanh niên tự xưng là Nam hẹn N đến số 23 đường P, Quận Z, Thành phố H để phỏng vấn, khoảng 30 phút sau bà N điều khiển xe mô tô hiệu Honda Wave S, màu đỏ, biển số 60U1-1848 đến địa chỉ trên gặp Nam (tên gọi khác: Nguyễn Hữu Trức D) thì Nam nói sẽ đưa N đến Công ty của Nam làm để phỏng vấn, Nam yêu cầu bà N đưa xe Honda trên cho Nam chõ, bà N đồng ý. Nam điều khiển xe mô tô trên chõ N đến địa chỉ 100-102 đường X, Phường Y, quận P, Thành phố H, Nam gọi điện thoại cho bà Nguyễn Ngọc P (là nhân viên Công ty Oriflame) xuống đưa N lên lầu để phỏng vấn, bà N giao xe và chìa khóa xe trên cho Nam giữ, khi phỏng vấn công việc là bán hàng nên bà N từ chõ và ra về thì không thấy Nam cùng xe máy của mình nên đến Công an Phường Y, quận P trình báo sự việc bị Nguyễn Hữu Trức D lừa đảo chiếm đoạt xe máy như đã nêu trên.

Bà Nguyễn Ngọc P khai nhận: bà là nhân viên tư vấn của Công ty Oriflame, ngày 24/9/2008 D có đăng ký là thành viên bán hàng đa cấp của Công ty nhưng thực tế D không có hoạt động bán hàng nên P có biết D. Ngày 31/3/2009, D có gọi điện thoại cho P nhờ P tư vấn cho bạn của D bán hàng mỹ phẩm, P đồng ý, khoảng 20 phút sau thì P gặp Trần Thị Tuyết N và Nguyễn Hữu Trức D, sau khi P tư vấn thì N không đồng ý làm nhân viên bán hàng. Sau đó, N ra về rồi lên quay lên nói D đã lấy mất xe của N nên P cùng với N đến Công an trình báo sự việc bị lừa đảo chiếm đoạt tài sản như trên.

Theo kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự ngày 31/03/2022: 01 xe mô tô hiệu Honda Wave S, màu đỏ xám đen, biển số: 60U-1848, trị giá tại thời điểm bị chiếm đoạt là 8.500.000 đồng (Tám triệu năm trăm nghìn đồng).

Ngày 19/5/2009, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận P ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009. Ngày 16/7/2009, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận P ra Quyết định khởi tố bị can đối với Nguyễn Hữu Trức D về hành vi “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 và ra Lệnh bắt khẩn cấp đối với Nguyễn Hữu Trức D nhưng không bắt được D. Do Nguyễn Hữu Trức D bỏ trốn nên ngày 20/7/2009, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận P đã ra Quyết định truy nã số 02 đối với Nguyễn Hữu Trức D về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009.

Ngày 30/03/2022, Nguyễn Hữu Trức D bị Công an xã A bắt theo lệnh truy nã và bàn giao cho Cảnh sát điều tra Công an quận P để xử lý theo thẩm quyền.

Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Hữu Trức D khai nhận: do cần tiền tiêu xài nên D nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tài sản, D đọc báo thấy bà Trần Thị Tuyết N đăng thông tin tìm việc làm, biết Công ty Oriflame ở địa chỉ 100-102 đường X, Phường Y, quận P, Thành phố H có nhu cầu tuyển dụng nhân viên (do trước đây D đã từng làm việc tại Công ty Oriflame) nên D giả vờ mình tên là Nam và hẹn bà N đi phỏng vấn xin việc sau đó đã lừa bà N đến Công ty trên để chiếm đoạt chiếc xe Honda Wave S, màu đỏ, biển số 60U1-1848 của bà N như đã nêu trên. Khi gặp bà N thì D xưng tên giả là Nam để tránh bị phát hiện. Sau khi chiếm đoạt được chiếc xe trên, D sử dụng xe làm phương tiện đi chuyển được khoảng 01 năm rồi mang xe đi bán cho một cửa hàng ve chai

(không rõ địa điểm) thuộc quận T, Thành phố H với giá 600.000 đồng và tiêu xài hết.

Tại Cáo trạng số 08/CT-VKS ngày 17/01/2023, Viện kiểm sát nhân dân quận P đã truy tố bị cáo Nguyễn Hữu Trức D về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm b, d khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Hữu Trức D đã thừa nhận hành vi lừa bà Trần Thị Tuyết N để bà N tin là bị cáo có thể đưa chị N đến Công ty Oriflame để xin việc cho bà N, làm cho bà N tin là thật và khi đến trước Công ty Oriflame ở địa chỉ 100-102 đường X, Phường Y, quận P, Thành phố H, theo đề nghị của bị cáo bà N đã giao 01 Honda Wave S, màu đỏ, biển số 60U-1848, số khung 12038Y051082, số máy C12E-0095643 cho bị cáo để bị cáo quản lý giùm khi bà N lên phỏng vấn, sau khi được giao xe quản lý, bị cáo đã chiếm đoạt xe và mang đi bán lấy tiền tiêu xài cá nhân.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa người bị hại là bà Trần Thị Tuyết N có đại diện theo uỷ quyền yêu cầu bị cáo phải bồi thường giá trị chiếc xe đã chiếm đoạt không thu hồi được số tiền là 8.500.000 đồng. Bị cáo đồng ý bồi thường theo yêu cầu bị hại.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận P giữ quan điểm truy tố đối với bị cáo Nguyễn Hữu Trức D về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm b, d khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Sau khi phân tích hành vi phạm tội, đánh giá các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo, căn cứ điểm b, d khoản 2 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự đề nghị Hội đồng xét xử phạt bị cáo từ 04 (Bốn) đến 05 (Năm) năm tù; Phần bồi thường dân sự: buộc bị cáo bồi thường cho bà N số tiền là 8.500.000 đồng (Tám triệu năm trăm nghìn đồng); về vật chứng không thu giữ nên không xem xét giải quyết.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và xin Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án nhẹ để có điều kiện cải tạo, sửa đổi, sớm trở về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của của cơ quan điều tra Công an quận P, điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận P, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Tại các biên bản tự khai, biên bản lấy lời khai bị cáo đều trình bày lời khai hoàn toàn tự nguyện. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm: Lời khai nhận tội của bị cáo Nguyễn Hữu Trức D phù hợp với nhau và còn phù hợp với lời khai của người bị hại, lời khai người làm chứng, Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã đủ cơ sở kết luận: Ngày 31/3/2009, Nguyễn Hữu Trức D đã thực hiện hành vi giả tên là Nam để lừa giới thiệu bà Trần Thị Tuyết N đi xin việc làm, tạo lòng tin cho bà N giao quản lý khi lên phỏng vấn rồi chiếm đoạt tài sản là 01 xe máy Honda Wave S, màu đỏ, biển số 60U1-1848, trị giá 8.500.000 đồng (Tám triệu năm trăm ngàn) tại trước Công ty Oriflame - địa chỉ số 100-102 đường X, Phường Y, quận P, Thành phố H. Hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “Lừa đảo tín nhiệm chiếm

đoạt tài sản”. Bị cáo có 02 tiền án về tội chiếm đoạt tài sản chưa xóa án tích, trong đó bản án xác định bị cáo phạm tội với tính tiết phạm tội có tính chất chuyên nghiệp. Vì vậy, hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp định khung tăng nặng là có tính chất chuyên nghiệp và tái phạm nguy hiểm. Hành vi của bị cáo thực hiện vào ngày 31/3/2009 thời điểm Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009 có hiệu lực thi hành, tuy nhiên do bị cáo bỏ trốn, cơ quan điều tra truy nã bắt được bị cáo vào ngày 30/3/2022 thời điểm Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 có hiệu lực thi hành thay thế Bộ luật hình sự trước đó. Tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 được quy định tương ứng với tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo quy định tại Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009. Do vậy, cáo trạng truy tố đối với bị cáo Nguyễn Hữu Trúc D về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm b, d khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là phù hợp quy định của pháp luật.

[3] Hành vi của bị cáo Nguyễn Hữu Trúc D là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội, cần phải xử lý nghiêm trước pháp luật. Tuy nhiên, khi lượng hình có xem xét tình tiết bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, hoàn cảnh gia đình khó khăn để giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt nhưng cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội để có tác dụng giáo dục, răn đe đối với bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Về dân sự: Bị hại bà Trần Thị Tuyết N có đại diện theo uỷ quyền vẫn giữ yêu cầu buộc bị cáo bồi thường tài sản bị chiếm đoạt không thu hồi được với số tiền là 8.500.000 đồng (Tám triệu năm trăm nghìn đồng). Bị cáo đồng ý bồi thường toàn bộ số tiền theo yêu cầu của bị hại. Do đó, buộc bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho bà Trần Thị Tuyết N số tiền là 8.500.000 đồng (Tám triệu năm trăm nghìn đồng).

[5] Về xử lý vật chứng: 01 Honda Wave S, màu đỏ, biển số 60U-1848, số khung 12038Y051082, số máy C12E-0095643, Cơ quan điều tra không thu hồi được. Do đó, về vật chứng không có gì xử lý.

[6] Về án phí: Bị cáo phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 425.000 đồng (Bốn trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điểm b, d khoản 2 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt Nguyễn Hữu Trúc D 04 (Bốn) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt chấp hành án, được trừ đi thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/3/2022 đến ngày 03/4/2022.

- Căn cứ khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; các Điều 584, 585, 586 và Điều 589 Bộ luật dân sự.

Buộc Nguyễn Hữu Trúc D có trách nhiệm bồi thường cho bà Trần Thị Tuyết N số tiền là 8.500.000 đồng (Tám triệu năm trăm nghìn đồng).

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm lãi suất theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

- Căn cứ Điều 135, 136 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Bị cáo phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 425.000 đồng (Bốn trăm hai mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo, người bị hại được quyền kháng cáo án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- . Bị cáo (1)
- . Người tham gia tố tụng (1)
- . CA TPHCM (PC 53) (1)
- . TAND TP.HCM (1)
- . Sở Tư pháp TP.HCM (1)
- . VKSND quận Phú Nhuận (2)
- . CA quận Phú Nhuận (2)
- . THADS quận Phú Nhuận (1)
- . THAHS quận Phú Nhuận (3)
- . Lưu VP - hồ sơ. (2)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thanh Thảo